

TRAO ĐỔI



Ý KIẾN

## NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY VÀ THÔNG TIN KHOA HỌC VỀ DÂN TỘC HỌC

### SUY NGHĨ VỀ NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY DÂN TỘC HỌC

ĐẶNG NGHIỆM VẠN

1. Lướt qua những kho lưu trữ, những thư viện, ông cha ta đã để lại biết bao công trình và tư liệu liên quan đến những tri thức Dân tộc học Việt Nam. Từ thời Pháp thuộc cho đến nay, kho tàng đó được bổ sung bởi những tác phẩm của các nhà nghiên cứu nước ngoài, đặc biệt là các tác giả Pháp, gần đây là Mỹ, Nhật và Trung Quốc. Thế nhưng, với tư cách một bộ môn khoa học nằm trong bộ phận khoa học xã hội Việt Nam, thời ở Việt Nam, bộ môn Dân tộc học mới được ra đời với các viện nghiên cứu, trường, trung tâm, trong đó phải kể đến Viện Dân tộc học; gần đây thêm Bảo tàng Dân tộc học thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia.

Trong quá trình ra đời và trưởng thành, với một thời gian gần nửa thế kỷ, cần nhắc lại tên tuổi của những thế hệ đã góp phần cống hiến cho ngành như: H. Maitre, Bonifacy, J. Dournes, J. Cuisinir, P. Guilleminet, L. Cadriere, G. Condominas, J. Dournes, Trần Văn Giáp, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Huyền, Lã Văn Lô, Vương Hoàng Tuyên, Nguyễn Từ Chi, Bế Viết Đăng...; những sự giúp đỡ trong việc đào tạo và hợp tác của các nhà Dân tộc học Liên Xô (cũ), Pháp và gần đây là Mỹ, các nước phương Tây và ASEAN khác.

Bất cứ ngành khoa học nào được khai sinh cùng trường thành, trước hết là biết gần việc điều tra cơ bản phục vụ cho phát triển của ngành với việc phục vụ cho những yêu cầu của thực tiễn xã hội do Nhà nước đặt ra. Đó là điều bắt buộc với bất cứ một đất nước nào, dù là thuộc phương Tây hay phương Đông, nhờ đó mà ngành khoa học phát triển với đặc điểm riêng biệt của từng nước.

Đối tượng ngành Dân tộc học là Con người, được xem xét dưới góc độ tộc người. Khi nói đến Con người viết hoa, ta nghĩ ngay đến Con người văn hoá, một đặc trưng để phân biệt Con người với các sinh vật. Khi xét đến con người văn hoá, ta thấy có Con người văn hoá của toàn nhân loại, của một khu vực, một quốc gia, một tộc người. Vì thế trước hết, nhiệm vụ của ngành Dân tộc học của Việt Nam là làm rõ tính cách của Con người Việt Nam qua quá trình biến đổi của lịch sử và nhất là trong giai đoạn hiện nay, rút ra từ việc nghiên cứu tổng hợp văn hoá Việt Nam nói chung và từng tộc người Việt Nam nói riêng. Điều đó là cần thiết nhằm nhìn nhận được rõ ràng điều mà cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nêu lên là tìm hiểu bản lĩnh (identité) và bản sắc (couleur) dân tộc, hay như UNESCO nhấn mạnh là sự khác biệt về văn hoá giữa dân tộc này với dân tộc khác. Sự cần thiết lại càng được nhấn mạnh

trong giai đoạn lịch sử hiện nay, khi nhân loại với sự phát triển mạnh mẽ về khoa học công nghệ, với sự bùng nổ thông tin, đang đi vào một xu thế không đảo ngược được - xu thế toàn cầu hoá, mà ở đó, nguy cơ đồng hoá dân tộc (ethnocide) trước hết bằng văn hoá, đang thay thế nguy cơ diệt chủng (génocide).

Nửa thế kỷ qua, thành tựu của ngành Dân tộc học là tập trung vào việc nghiên cứu những khu vực khó khăn hẻo lánh nhất, các tộc người trước đây chưa được hiểu biết đầy đủ. Bộ mặt 54 tộc người toàn quốc được trình bày một cách khái quát về mọi phương diện. Một bảng Danh mục được đưa ra dựa trên cơ sở những tiêu chuẩn đúng đắn, rút ra từ thực tiễn và dựa trên một quan điểm, một phương pháp luận tin cậy được đánh giá cao, tất nhiên còn có một số điểm cụ thể cần làm sáng rõ thêm. Hàng chục công trình lớn nhỏ, hàng trăm bài báo trên các tạp chí, nhất là Tạp chí Dân tộc học, của tập thể hay cá nhân, được giới khoa học trong và ngoài nước biết đến.

Sau ngày đất nước thống nhất, với yêu cầu của Đảng và Nhà nước, ngành Dân tộc học được giao thêm nhiệm vụ nghiên cứu hiện trạng về dân số, kinh tế, xã hội, văn hoá các dân tộc thiểu số theo từng khu vực, đặc biệt là khu vực miền núi phía Bắc, khu vực Trường Sơn- Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long. Đã có những công trình, những nhận định, những đề xuất được chú ý; đã có sự liên kết với các ngành khoa học xã hội nhân văn khác, thậm chí các ngành khoa học tự nhiên; từ đó xuất hiện các ngành khoa học liên ngành: Ngôn ngữ- Dân tộc học; Kinh tế- Dân tộc học; Dân số- Dân tộc học; Văn hoá- Dân tộc học ... Việc nghiên cứu Dân tộc học người Việt cũng được quan tâm và có sự phối hợp với các ngành. Nghiên cứu Dân tộc học các nước trong khu vực đã được bắt đầu, do sự bức thiết của nó, nhằm phục vụ cho yêu cầu đất nước; và như S. A. Tocarev đã

viết, muốn hiểu biết một dân tộc (ở đây là Việt Nam), cần có sự so sánh với các dân tộc xung quanh.

Hiện nay, những công trình Dân tộc học mới chỉ dừng lại ở sự miêu tả một dân tộc hay một phần trong đời sống nói chung hay văn hoá nổi riêng của một dân tộc, ở việc nghiên cứu một vấn đề của một khu vực, một số dân tộc có quan hệ hay của chung các dân tộc Việt Nam. Đã đến lúc cần đúc kết từ những miêu thuật, những vấn đề nghiên cứu riêng lẻ để tìm ra được cái cốt lõi của con người Việt Nam, của từng dân tộc trong đại gia đình Việt Nam.

Nếu ai hỏi chúng ta, Việt Nam là ai, tộc người Việt, Tày, Ba-na, Ê- đê... là ai, tức là tính cách con người Việt Nam và từng tộc người riêng lẻ thế nào, thì tin chắc câu hỏi đó còn khó trả lời một cách rành rọt và đầy đủ. Nhưng đó lại là *câu trả lời của ngành Dân tộc học, vì đối tượng của nó là Con người văn hoá như đã trình bày ở trên.*

Trong thời kỳ kháng chiến, sức mạnh chiến đấu của con người Việt Nam được thấu hiểu và nhờ đó mà Hồ Chủ tịch và Đảng ta đã động viên được toàn thể sức mạnh của dân tộc Việt Nam, sự đoàn kết thống nhất các thành phần dân tộc anh em, để chiến thắng giặc ngoại xâm trong thế "châu chấu đá voi". Đất nước ngày nay đang chuyển sang một giai đoạn mới: xoá bỏ đói nghèo để xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Sự hiểu biết thấu đáo và toàn diện con người Việt Nam và các tộc người trên đất nước Việt Nam- đối tượng dựa vào đó để xây dựng và bảo vệ đất nước, là rất cần thiết. Ở đây những tri thức Dân tộc học chiếm vai trò rất quan trọng. Ngành Dân tộc học cần phải điều chỉnh chức năng cho đúng với trách nhiệm của ngành: *Nghiên cứu con người Việt Nam.* Phải chăng khó có thể còn bó chặt

ngành trong chiếc áo chật cứng là Sử học. Thực tế ngay từ ban đầu khi nghiên cứu các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam, cũng như hiện nay, các nhà Dân tộc học đã phải xé rào vượt ra khỏi phạm vi là một bộ phận của ngành Sử học, tiếp cận các tư liệu ngành khác như Nhân học hình thể (Anthropologie physique) Ngôn ngữ học, Kinh tế học, Xã hội học, Dân số học v.v.. Điều đó đã được một số nhà Dân tộc học Xô Viết trước đây đề cập, đến nay phải chăng cần tham khảo kết cấu của bộ môn này thuộc các trường phái Pháp, Anglô-saxông, Đức ...

Như vậy, ngoài việc nghiên cứu các dân tộc thiểu số - thiết tưởng vẫn là trọng tâm của ngành, vì tri thức về các dân tộc này còn chưa đầy đủ - cần tăng cường nghiên cứu người Việt cả ba miền Trung, Nam, Bắc. Tìm hiểu người Việt cần đặt ra một như cầu, chủ yếu bằng tổng kết những tư liệu phong phú của các ngành bạn đã có và bổ sung bằng điều tra trên thực tiễn, nhất là ở phía Nam của đất nước.

Việc viết lại công trình *Các dân tộc Việt Nam* đã trở nên cấp bách. Đó sẽ là cẩm nang không chỉ của các nhà khoa học xã hội, mà của cả các nhà chính trị, kinh doanh, các nhà văn hoá, tư tưởng muốn làm tốt công tác của bản thân.

2. Ở nước ta, sau khi hoà bình lập lại ở miền Bắc (1954), cũng như ở các ngành khác, ta thấy dường như việc nghiên cứu kết hợp với giảng dạy đã là một truyền thống ngay từ ban đầu khi ngành Dân tộc học mới thành lập. Những cán bộ của các Viện vẫn tham gia giảng dạy ở các trường đại học, các trường cao đẳng, các lớp chuyên môn có liên quan; đặc biệt trong bộ môn Dân tộc học trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội) hay ở thành phố Hồ Chí Minh. Ngược lại, những cán bộ giảng dạy bộ

môn Dân tộc học cũng tham gia nghiên cứu và hợp tác thực hiện các công trình của viện nghiên cứu. Sự kết hợp đó rõ rệt trong những thập kỷ 60, 70, 80; gần đây có phần không chặt chẽ bằng, do những nguyên nhân khách quan: phần vì ở các cơ sở giảng dạy đã tự lực đảm nhiệm được, phần vì trong các cơ sở nghiên cứu, số cán bộ cũng đã trưởng thành. Tuy nhiên, việc đào tạo sau đại học vẫn đòi hỏi sự hợp tác của cả hai bên và vẫn được thực hiện. Cán bộ giảng dạy hay nghiên cứu vẫn cùng có mặt trong các cuộc hội nghị của ngành.

Nhưng nếu nhìn ra các nước đã có một truyền thống nghiên cứu và giảng dạy như trước đây ở Liên Xô (cũ), nay ở Nga, hay các nước phương Tây, phải chăng cần có một sự thay đổi cơ bản trong việc dạy và học ở các trường đại học và ở những lớp sau đại học. Vấn đề này đặt ra không chỉ với việc giảng dạy và nghiên cứu của ngành Dân tộc học, mà có thể là của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn nói chung.

Từ bậc đại học trở lên, người học sinh cần có một *thái độ chủ động* trong học tập, *không chỉ thụ động* ngồi nghe thầy giảng. Với một chương trình học nhất định, họ cần tìm giáo trình, tham khảo thêm các sách và tạp chí cần thiết cho các vấn đề nêu trong chương trình. Người thầy với tư cách người truyền bá tri thức, chỉ là người đi trước, giới thiệu đại lược nội dung của chương trình mình phụ trách, nêu lên những vấn đề cơ bản, những phát hiện tìm tòi mới, những vấn đề đương tranh luận, tức là cập nhật cho học sinh những tri thức mới nhất, liên quan đến nội dung bài giảng. Tùy theo từng nước, có khi các thầy chỉ đi sâu vào một chuyên đề mang tính thông báo để học sinh rõ. Người thầy chỉ trình bày tối đa một nửa hoặc hơn một chút số giờ đã định, còn lại để học sinh đặt câu hỏi hoặc thảo luận dưới sự hướng dẫn của thầy. Lớp học không chỉ hạn chế số học

sinh đã đăng ký, có thể thu hút thêm những người quan tâm, trong đó không loại trừ các giáo sư, tiến sĩ, những chuyên gia am hiểu vấn đề. Lớp học biến thành một buổi trình bày có hướng dẫn một chủ đề khoa học. Người học trò hay người đến nghe giảng phải chủ động đọc trước, chuẩn bị những vấn đề chưa hiểu rõ để đặt câu hỏi, thậm chí những ý kiến để thảo luận. Họ được lợi tham bác ý kiến của các bậc đàn anh đến cùng tham dự.

Như vậy, lớp học vừa mang tính học tập, giảng dạy, vừa mang tính nghiên cứu như một cuộc thảo luận khoa học. Người học sinh được tiếp cận với những nội dung cơ bản, trong đó có những vấn đề thời sự, những ý kiến mới nhất. *Kết hợp giảng dạy với nghiên cứu như vậy có lẽ là phương pháp tốt nhất, hữu hiệu nhất*, không nhất thiết phải hợp nhất những viện nghiên cứu và trường đại học. Người học sinh cấp đại học hay trên đại học phải khác học sinh trung học, cần phát huy được tính tự lực, tiếp cận không chỉ qua tri thức của một ông thầy; từ đó tùy theo sở thích, có thể tìm hiểu sâu thêm những vấn đề gì xét thấy bổ ích.

Phương pháp giảng dạy và học tập này đòi hỏi người thầy luôn cập nhật những tri thức mới nhất, lại cần đưa ra ý kiến của bản thân và những ý kiến còn đương tranh cãi. Nó cũng đòi hỏi học sinh tích cực tìm hiểu các sách, các bài tạp chí mà đến nay ở nước ta còn chưa phong phú như các nước có nền khoa học đã phát triển, nhưng không hẳn còn thiếu như ở thời kỳ trước đây.

Người thầy lên bục giảng cũng không nên khuôn trong số các giáo sư, các giảng viên của một khoa, một trường, mà đòi hỏi phải mời được những nhà nghiên cứu giỏi, những tác giả mới có tác phẩm đến trình bày. Điều khó nhất là việc điều hành của lãnh đạo trường và khoa.

Đối với các viện hay các cơ sở nghiên cứu, cần tăng cường những buổi sinh hoạt khoa học, những buổi trình bày có thảo luận, mở rộng cho các giáo sư, giảng viên và học sinh các trường đại học và các viện thuộc các ngành khoa học tham gia; đồng thời cũng mời cán bộ, thậm chí cho phép học sinh các trường tham gia các đề tài khoa học. Những dạng sinh hoạt theo kiểu này cần được tổ chức nhiều hơn các năm trước.

Có người sẽ đặt ra câu hỏi: những điều tác giả nêu trong việc kết hợp giảng dạy học tập và nghiên cứu không lạ gì đối với các nước có nền khoa học phát triển, thậm chí những nước đang phát triển. Đối với nước ta, việc làm đó còn khó khăn vì nhiều lẽ: có vấn đề nói ra được, có vấn đề tế nhị khó nói. Đúng vậy, nhưng rõ ràng tình trạng nghiên cứu, giảng dạy và học tập ở các viện nghiên cứu, các trường đại học và các lớp trên đại học hiện nay là khó chấp nhận, cần có cải tiến và muốn cải tiến cần có một chủ trương, với những biện pháp ở các cấp có thẩm quyền. Kinh nghiệm ở một số nước cho thấy, các viện, các trường chí ít phải có một lịch sinh hoạt nghiên cứu, giảng dạy và học tập cả năm, công bố cho các cơ quan có liên quan được biết; phải khuyến khích học sinh tự học, tự tìm sách, tư liệu đọc trước khi lên lớp nghe thầy thuyết trình; người thầy phải chuẩn bị chu đáo nội dung bài giảng, đón nhận những ý kiến tranh luận, những câu hỏi cần trả lời v.v..

Điều quan trọng hơn cả, thiết nghĩ cần có một quan niệm khác với việc giảng dạy, học tập ở các trường đại học, các lớp sau đại học, mà ở đây, ngoài quan hệ thầy trò, phải chăng đó là quan hệ của những người đồng nghiệp trong tương lai. Người dạy học và người đi học cần tôn trọng nhau trên cơ sở đều là những người cùng tìm hiểu một vấn đề khoa học, có điều khác là người dạy học có kinh nghiệm, có sự hiểu biết hơn. Không

thể coi việc giảng dạy và học tập ở đại học và sau đại học như một cấp trung học "cấp bốn" và "cấp năm". Thiết nghĩ ngành Dân tộc học có thể thí nghiệm, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, bởi lẽ từ trước đến nay, quan hệ giữa các viện và các cơ sở đào tạo đại học và trên đại học đã có một truyền thống tốt trên cả lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo. Ngành Dân tộc học đã có một đội ngũ nghiên cứu và giảng dạy có chất lượng hơn.

3. Một thực tế đáng biểu dương là các khoá học sinh ngành Dân tộc học của những trường đại học không sút kém và càng có nhiều học sinh xin theo học. Những học sinh tốt nghiệp có trình độ và ra trường công tác có tín nhiệm. Nhiều học sinh trưởng thành giữ những trọng trách cao trong các ngành chính trị, văn hoá, khoa học. Việc đào tạo sau đại học trong nước được chú ý. Nếu không nhầm, người đậu phó tiến sĩ vào lớp đầu tiên của ngành khoa học xã hội nhân văn trong nước là một cán bộ Dân tộc học. Cho đến nay, đã có mấy chục cán bộ tốt nghiệp tiến sĩ Dân tộc học trong nước và số đó theo thời gian ngày càng tăng. Chất lượng các luận văn tốt nghiệp nói chung là tốt, gần đây có những luận văn xuất sắc. Những tiến sĩ đều trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ cốt cán của ngành. Một số có uy tín trên trường quốc tế.

Có một số điều cần thảo luận. Tuổi các thí sinh tốt nghiệp tiến sĩ còn quá cao, thường là khoảng trên dưới 40, chỉ ít là sau 15, có khi đến 20 năm công tác, nghiên cứu hoặc giảng dạy ở các trường đại học. Riêng ở cơ sở đào tạo tiến sĩ ở Viện Dân tộc học, nay đã thấy có một số nghiên cứu sinh đương ở độ tuổi 30.

Cũng nên suy nghĩ lại chương trình sau đại học về Dân tộc học, nếu ta thấy cần thay đổi đối tượng của ngành như đã trình bày ở trên, không bó hẹp trong ngành Sử học và trở

thành một ngành riêng với những mối quan hệ khăng khít với nhiều ngành khoa học xã hội nhân văn khác nhau. Chương trình hiện nay của lớp cao học và chương trình bổ túc của những thí sinh thi bằng tiến sĩ còn quá nhiều, cần có sự tinh lọc. Phải chăng nên giảm bớt những phân lý thuyết, phải chăng nên như một số nước, buộc học sinh phải đi thực tế thực sự trong vòng một năm rông hoặc chia thành nhiều thời kỳ khác nhau. Kinh nghiệm của các thí sinh đậu bằng tiến sĩ (phó tiến sĩ cũ) vừa qua cho thấy, những luận văn xuất sắc thường rơi vào các thí sinh có bề dày thực tế. Đó là điều dễ hiểu vì phương pháp chủ yếu của ngành Dân tộc học vẫn là phương pháp điền dã. Cuộc sống của người dân là nguồn sữa bồi bổ cho tri thức của một nhà Dân tộc học.

Trong khi chờ đợi việc giảng dạy ngoại ngữ ở các trường trung học và đại học có hiệu quả, phải chăng một tiến sĩ Dân tộc học phải thông thạo một ngoại ngữ - chìa khoá mở cửa cho con người khoa học tiếp cận với các thông tin khoa học. Đã đến lúc không thể quan niệm được một tiến sĩ, thậm chí một giáo sư, không biết ngoại ngữ hay nếu biết, chỉ có các giấy chứng nhận A, B, C, D để làm cảnh. Nhân thảo luận đến ngoại ngữ, cần khuyến khích, thậm chí bắt buộc một cán bộ hay một thí sinh thi tiến sĩ, với một đề tài liên quan đến các dân tộc thiểu số, phải thông hiểu tiếng dân tộc mà mình lấy làm đối tượng nghiên cứu. Trong buổi ban đầu, phải chăng nên có điểm khuyến khích, vì một lẽ đơn giản: công trình nghiên cứu trong giai đoạn này đòi hỏi đi vào chiều sâu, miêu thuật cận kẽ, có so sánh để nêu bật lên được tính cách của dân tộc đó, hay nói cách khác là bản lĩnh, bản sắc của dân tộc. Những hạn chế trong nghiên cứu và giảng dạy Dân tộc học của nước ta hiện nay cần phải được khắc phục trong thời gian tới.